

CHÍNH PHỦ
Số: 56/2009/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2009

NGHỊ ĐỊNH

Về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định các chính sách trợ giúp và quản lý nhà nước về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các tổ chức trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và cơ quan quản lý nhà nước về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 3. Định nghĩa doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp: siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy mô tổng nguồn vốn (tổng nguồn vốn tương đương tổng tài sản được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp) hoặc số lao động bình quân năm (tổng nguồn vốn là tiêu chí ưu tiên), cụ thể như sau:

Quy mô	Doanh nghiệp siêu nhỏ	Doanh nghiệp nhỏ		Doanh nghiệp vừa	
Khu vực	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động
I. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 200 người	từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	từ trên 200 người đến 300 người
II. Công nghiệp và xây	10 người trở	20 tỷ đồng trở	từ trên 10	từ trên 20 tỷ	từ trên 200

dựng	xuống	xuống	người đến 200 người	đồng đến 100 tỷ đồng	người đến 300 người
III. Thương mại và dịch vụ	10 người trở xuống	10 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 50 người	từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	từ trên 50 người đến 100 người

2. Tùy theo tính chất, mục tiêu của từng chính sách, chương trình trợ giúp mà cơ quan chủ trì có thể cụ thể hóa các tiêu chí nêu trên cho phù hợp.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các cơ quan liên quan điều tra, tổng hợp và công bố số liệu thống kê về doanh nghiệp nhỏ và vừa hàng năm theo định nghĩa về doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Nghị định này.

Điều 4. Kế hoạch trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Kế hoạch trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm cả các giải pháp và kinh phí thực hiện, phải được đưa vào kế hoạch hàng năm và 5 năm của các Bộ, ngành, địa phương và nền kinh tế quốc dân.

Điều 5. Chương trình trợ giúp

1. Chương trình trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa của Nhà nước (gọi tắt là chương trình trợ giúp) là chương trình mục tiêu dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được xây dựng trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, địa bàn và được bố trí trong kế hoạch hàng năm và 5 năm. Ưu tiên chương trình trợ giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ và doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ.

2. Các chương trình trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phải lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa được quy định tại Điều 15 của Nghị định này nhằm bảo đảm tính thống nhất và kết hợp lồng ghép với các chương trình trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa khác của Nhà nước.

3. Các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình trợ giúp trong lĩnh vực, địa bàn quản lý. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện các chương trình trợ giúp và các vấn đề cần giải quyết trình Thủ tướng Chính phủ.

4. Căn cứ theo tính chất và phạm vi của từng chương trình trợ giúp, các tổ chức sự nghiệp nhà nước, các nhà cung cấp dịch vụ có đủ năng lực tham gia thực hiện chương trình thông qua phương thức đấu thầu theo quy định pháp luật.

Điều 6. Ban hành các quy định liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa

Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Điều 15 của Nghị định này để bảo đảm các văn bản pháp luật này tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương II

CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP

Điều 7. Trợ giúp tài chính

1. Nhà nước khuyến khích thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng cơ chế thành lập và hoạt động của các quỹ bảo lãnh tín dụng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định và hướng dẫn thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế khuyến khích và dành một số dự án hỗ trợ kỹ thuật để tăng cường năng lực cho các tổ chức tài chính phù hợp mở rộng tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với doanh nghiệp nhỏ và vừa, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ về tư vấn tài chính, quản lý đầu tư và các dịch vụ hỗ trợ khác cho khách hàng là đối tượng doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Thông qua các chương trình trợ giúp đào tạo, Nhà nước hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực lập dự án, phương án kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu của tổ chức tín dụng khi thẩm định hồ sơ vay vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Thành lập Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

a) Mục đích hoạt động: tài trợ các chương trình giúp nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, chú trọng hỗ trợ hoạt động đổi mới phát triển sản phẩm có tính cạnh tranh cao và thân thiện với môi trường; đầu tư, đổi mới trang thiết bị kỹ thuật, công nghệ tiên tiến; phát triển công nghiệp hỗ trợ; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

b) Nguồn vốn của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (gọi tắt là Quỹ): vốn cấp từ ngân sách nhà nước; vốn đóng góp của các tổ chức trong nước; các khoản viện trợ, tài trợ của các tổ chức nước ngoài, các tổ chức quốc tế; lợi nhuận từ các hoạt động của Quỹ và các nguồn vốn hợp pháp khác.

c) Các hoạt động chính:

- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài chính trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.

- Tài trợ kinh phí cho các chương trình, các dự án trợ giúp nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực kỹ thuật, công nghệ, năng lực quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do các Bộ, ngành, địa phương, hiệp hội doanh nghiệp triển khai thực hiện sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Ủy thác cho các tổ chức tín dụng cho vay ưu đãi các doanh nghiệp nhỏ và vừa có dự án đầu tư khả thi thuộc lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích của Nhà nước và phù hợp với mục đích hoạt động của Quỹ.

d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan xây dựng đề án thành lập Quỹ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt; chịu trách nhiệm bảo đảm Quỹ hoạt động đúng mục đích.

đ) Bộ Tài chính ban hành Quy chế quản lý tài chính của Quỹ, kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ.

Điều 8. Mặt bằng sản xuất

Trên cơ sở công khai quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, thành phố đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dành quỹ đất và thực hiện các biện pháp khuyến khích xây dựng các khu, cụm công nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuê làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh hoặc di dời ra khỏi nội thành, nội thị để bảo đảm cảnh quan môi trường.

Điều 9. Đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ, trình độ kỹ thuật

1. Thông qua các chương trình trợ giúp, Chính phủ thực hiện chính sách trợ giúp phù hợp với chiến lược và lĩnh vực ưu tiên phát triển của nền kinh tế trong từng giai đoạn như sau:

a) Khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ, đổi mới thiết bị kỹ thuật theo chiến lược phát triển và mở rộng sản xuất của các doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với các sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

b) Nâng cao năng lực công nghệ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua chương trình hỗ trợ nghiên cứu, phát triển công nghệ sản xuất các sản phẩm mới, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

c) Giới thiệu, cung cấp thông tin về công nghệ, thiết bị cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ đánh giá, lựa chọn công nghệ.

2. Quỹ phát triển Khoa học công nghệ quốc gia hàng năm dành một phần kinh phí hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện đăng ký và bảo hộ, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm và dịch vụ, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO và các tiêu chuẩn quốc tế khác.

Điều 10. Xúc tiến mở rộng thị trường

1. Hàng năm, các Bộ, ngành và địa phương xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí thực hiện các hoạt động xúc tiến mở rộng thị trường cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về xúc tiến thương mại quốc gia hàng năm dành một phần ngân sách xúc tiến thương mại quốc gia cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và thông báo kết quả thực hiện cho cơ quan quản lý nhà nước về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Điều 15 Nghị định này.

Điều 11. Tham gia kế hoạch mua sắm, cung ứng dịch vụ công

1. Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dành tỉ lệ nhất định cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện các hợp đồng hoặc đơn đặt hàng để cung cấp một số hàng hóa, dịch vụ công.

2. Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cung ứng sản phẩm, dịch vụ công theo đề nghị của Bộ Tài chính.

Điều 12. Về thông tin và tư vấn

1. Chính phủ, các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông qua cổng thông tin điện tử cung cấp thông tin về các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp, các chính sách, chương trình trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và các thông tin khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Chậm nhất 30 ngày làm việc trước khi triển khai thực hiện các chính sách, chương trình trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ quan chủ trì có trách nhiệm gửi thông tin về chính sách và chương trình đó tới Cổng thông tin doanh nghiệp của cơ quan quản lý nhà nước về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Điều 15 của Nghị định này để công bố ra công chúng.